

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 16 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 8, Tháp C Hồ Grom Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 2, tòa nhà Sophie Building, số 277B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Hà Thị Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 9 năm 2021
Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 10 năm 2013
Bà Vũ Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 9 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2022
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	Ngày 06 tháng 7 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Đông – Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Văn Cường – Tổng Giám đốc và Ông Trương Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

Ngày 22 tháng 3 năm 2025



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trung Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0259/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		342.962.432.560	365.632.445.125
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	97.975.498.572	72.680.252.029
1. Tiền	111		18.531.460.238	8.002.721.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.444.038.334	64.677.530.516
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.579.720.524	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.579.720.524	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.564.109.241	204.351.609.658
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	103.830.087.761	169.511.991.457
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.394.480.797	11.875.697.674
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.106.630.137	11.106.630.137
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	26.663.204.530	25.883.679.449
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.430.293.984)	(14.026.389.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		91.287.859.520	87.461.873.840
1. Hàng tồn kho	141	V.8	91.287.859.520	87.461.873.840
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.555.244.703	1.138.709.598
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.706.266	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.489.732.868	1.116.614.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	41.805.569	22.095.279
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.993.221.751	295.526.163.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	33.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.369.375.310	52.501.317.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	49.359.775.296	52.485.317.300
<i>Nguyên giá</i>	222		73.569.473.437	72.824.103.067
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.209.698.141)	(20.338.785.767)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9.600.014	16.000.010
<i>Nguyên giá</i>	228		32.000.000	32.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(22.399.986)	(15.999.990)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.814.624.000	-
<i>Nguyên giá</i>	231		2.814.624.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		178.015.835.737	121.815.868.449
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	178.015.835.737	121.815.868.449
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		119.743.182.005	119.780.949.866
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	119.743.182.005	119.780.949.866
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.017.204.699	1.428.027.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	955.067.713	1.428.027.384
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	62.136.986	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		693.955.654.311	661.158.608.134

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		142.593.621.652	173.163.067.495
I. Nợ ngắn hạn	310		142.593.621.652	173.163.067.495
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	43.210.326.338	47.313.431.153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	43.137.643.120	59.998.272.743
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	8.661.661.213	2.891.201.944
4. Phải trả người lao động	314		4.916.897.849	4.152.241.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	12.193.449.000	18.385.981.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	27.995.306.870	34.863.092.722
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.478.337.262	5.558.845.867
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		551.362.032.659	487.995.540.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	551.362.032.659	487.995.540.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.956.704.305	78.943.725.571
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.943.725.571	78.943.725.571
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.012.978.734	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52.347.721.554	6.994.208.268
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		693.955.654.311	661.158.608.134

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	393.590.487.971	250.811.433.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		393.590.487.971	250.811.433.577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	329.528.956.750	207.672.254.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.061.531.221	43.139.179.573
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.888.566.318	3.288.559.128
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	756.303.993	869.346.884
Trong đó: chi phí lãi vay	23		639.077.433	747.993.224
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2	(37.767.861)	(28.481.783)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	(2.087.898.264)	1.683.515.378
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.049.298.074	30.405.393.289
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.194.625.875	13.441.001.367
12. Thu nhập khác	31	VI.7	804.443.599	1.382.200.136
13. Chi phí khác	32	VI.8	637.322.136	679.082.206
14. Lợi nhuận khác	40		167.121.463	703.117.930
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.361.747.338	14.144.119.297
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.861.464.758	3.051.601.641
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(62.136.986)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.562.419.566</u>	<u>11.092.517.656</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>30.206.427.734</u>	<u>10.939.109.869</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>355.991.832</u>	<u>153.407.787</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>743</u>	<u>269</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>743</u>	<u>269</u>

Người lập biểu

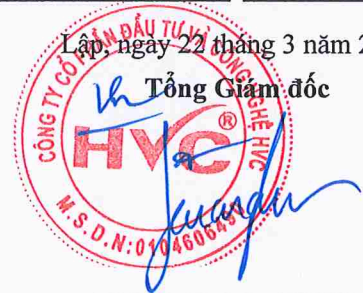
Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.361.747.338	14.144.119.297
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V10,11	3.877.312.370	3.781.640.655
- Các khoản dự phòng	03		(676.603.680)	3.813.914.034
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	88.783.373	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.710.351.201)	(2.885.509.750)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	639.077.433	747.993.224
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.579.965.633	19.602.157.460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		77.023.895.919	(2.605.657.326)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.825.985.680)	33.206.256.867
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48.170.359.813)	31.013.499.437
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		449.253.405	505.839.697
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(639.077.433)	(747.993.224)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(2.497.254.640)	(6.154.471.039)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.920.437.391	74.819.631.872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(59.759.961.658)	(32.258.134.867)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.000.000.000	24.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.579.720.524)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	12.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.470.260.081	2.829.782.827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.869.422.101)	(5.428.352.040)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	44.112.017.105	110.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	169.853.660.440	103.401.301.288
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(176.721.446.292)	(162.755.450.815)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.244.231.253	(59.244.149.527)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		25.295.246.543	10.147.130.305
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.680.252.029	62.533.121.724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	97.975.498.572	72.680.252.029

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây lắp, kinh doanh bất động sản, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin góp vốn vào Công ty con

Trong năm, Công ty đã thực hiện góp 105 tỷ VND vào Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình theo cam kết.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99%	99%	99%
Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	90%	90%	90%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95%	95%	95%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	99%	99%	99%
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	70%	70%	70%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. *Danh sách Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Chí Thành	Xóm nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng nhà để ở	44%	45%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có 184 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 217 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, giữa các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng phát hành. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện khoản tiền giải phóng mặt bằng Công ty đã trả. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian 63 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty là phần mềm quản lý dự án, chi phí liên quan đến phần mềm quản lý dự án không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm quản lý dự án là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Nhóm Công ty được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Nhóm Công ty là Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng loại công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Cụ thể, các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Nhóm Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng, nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành công trình xây dựng cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, thành phẩm cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	402.295.835	607.083.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.129.164.403	7.395.638.249
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	79.444.038.334	64.677.530.516
Cộng	97.975.498.572	72.680.252.029

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	2.200.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	23.379.720.524	-
Cộng	25.579.720.524	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất 3,9%/năm. Khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phát hành, lãi suất 4,1%.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Chí Thành. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400233946 ngày 09/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty Cổ phần Chí Thành có vốn điều lệ là 120 tỷ VND. Nhóm Công ty sở hữu 5.400.000 cổ phần, mệnh giá là 54 tỷ VND, chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty liên kết.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	119.820.000.000	119.820.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(76.817.995)	(39.050.134)
Cộng	119.743.182.005	119.780.949.866

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	119.780.949.866	119.809.431.649
Lợi nhuận trong năm	(37.767.861)	(28.481.783)
Số cuối năm	119.743.182.005	119.780.949.866

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư.

Giao dịch với công ty liên kết

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	23.538.893.905	70.922.507.344
Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	14.063.860.576	11.290.707.879
Công ty Cổ phần Bê tông thông minh Spool	6.534.574.770	29.484.574.770
Các khách hàng khác	59.692.758.510	57.814.201.464
Cộng	103.830.087.761	169.511.991.457

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gia Phú Capital Việt Nam	-	7.457.989.728
Công ty Cổ phần Cid Việt Nam	346.000.000	346.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	537.553.462	-
Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Quốc tế Baleine	486.275.200	284.442.000
Các nhà cung cấp khác	2.024.652.135	3.787.265.946
Cộng	3.394.480.797	11.875.697.674

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay theo hợp đồng ngày 15 tháng 02 năm 2023. Ngày 02/10/2023 Công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Sông Thao của ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng là 11.106.630.137 VND. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả Ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên, do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	8.151.650	-	38.380.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.624.185.223	-	4.060.907.065	-
Công ty Cổ phần Novareal ⁽ⁱ⁾	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-
Phải thu tiền bồi thường đất của UBND huyện Khoái Châu ⁽ⁱⁱ⁾	1.380.000.900	-	1.380.000.900	-
Lãi dự thu tiền gửi	311.692.593	-	33.833.612	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	175.000	-	31.558.708	-
Cộng	26.663.204.530	-	25.883.679.449	-

⁽ⁱ⁾ Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2023, Công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi Chủ đầu tư Dự án "Khu nhà ở diện tích 4,2777 ha, tại Phường Thanh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức" đủ điều kiện bán Bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Theo Công văn số 897/STC-GCS&DN ngày 02/08/2022 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên, số tiền ký quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp sau khi Công ty TNHH HVC Hưng Yên đáp ứng được các điều kiện hoàn trả theo quy định tại Điều 26 NĐ số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	8.118.447.924	(4.059.223.962)	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	1.050.144.045	(747.675.284)	5.036.044.045	(2.527.003.774)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.023.394.738	(2.023.394.738)	2.127.604.522	(1.899.385.285)
Cộng	20.791.986.707	(16.430.293.984)	16.763.648.567	(14.026.389.059)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.026.389.059	11.064.479.282
Trích lập dự phòng bổ sung	2.403.904.925	2.961.909.777
Số cuối năm	16.430.293.984	14.026.389.059

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.345.922.652	-	5.883.950.429	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.570.766.266	-	65.722.124.345	-
Hàng hóa	25.371.170.602	-	15.855.799.066	-
Cộng	91.287.859.520	-	87.461.873.840	-

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	147.374.614	357.356.848
Chi phí giải phóng mặt bằng	682.355.752	892.311.376
Các chi phí trả trước dài hạn khác	125.337.347	178.359.160
Cộng	955.067.713	1.428.027.384



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Guom Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.148.627.525	11.783.657.933	4.863.680.673	1.028.136.936	72.824.103.067
Mua trong năm	-	745.370.370	-	-	745.370.370
Số cuối năm	55.148.627.525	12.529.028.303	4.863.680.673	1.028.136.936	73.569.473.437
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.400.223.046	545.265.200	1.942.491.582	127.000.000	5.014.979.828
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.917.963.060	4.455.546.453	2.428.188.028	537.088.226	20.338.785.767
Khấu hao trong năm	2.273.580.299	995.208.362	493.551.529	108.572.184	3.870.912.374
Số cuối năm	15.191.543.359	5.450.754.815	2.921.739.557	645.660.410	24.209.698.141
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.230.664.465	7.328.111.480	2.435.492.645	491.048.710	52.485.317.300
Số cuối năm	39.957.084.166	7.078.273.488	1.941.941.116	382.476.526	49.359.775.296
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 20.012.502.751 VND đã được để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm quản trị doanh nghiệp.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	32.000.000	15.999.990	16.000.010
Khấu hao trong năm	-	6.399.996	(6.399.996)
Số cuối năm	32.000.000	22.399.986	9.600.014
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Là giá trị quyền sử dụng đất tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí để thực hiện Dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại Xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 về việc chấp thuận liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm là Nhà đầu tư thực hiện Dự án, doanh nghiệp thực hiện Dự án là Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	121.815.868.449	89.948.612.000
Chi phí phát sinh trong năm	56.199.967.288	31.867.256.449
Số cuối năm	<u>178.015.835.737</u>	<u>121.815.868.449</u>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	62.136.986	-
Số cuối năm	<u>62.136.986</u>	<u>-</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ademax	5.151.845.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Atl	5.756.322.122	11.045.350
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Gia Vinh	3.468.318.857	8.700.961.865
Công ty TNHH Vật liệu Điện Duy Tân	207.769.704	6.957.045.704
Yixing Sea Fountain Equipment Co.,Ltd	8.142.974.971	1.210.664.592
Các nhà cung cấp khác	20.483.095.084	30.433.713.642
Cộng	<u>43.210.326.338</u>	<u>47.313.431.153</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	9.869.383.667	9.825.700.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Vạn Phúc	7.266.166.287	7.266.166.287
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia	4.758.229.699	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong	17.486.560.585	38.624.204.541
Các khách hàng khác	3.757.302.882	4.282.201.110
Cộng	<u>43.137.643.120</u>	<u>59.998.272.743</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	145.445.903	72.000	4.849.844.224	(4.552.165.106)	484.858.590	41.805.569
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.267.101.712	(4.267.101.712)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	261.936.906	(261.936.906)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.698.554.615	22.023.279	7.861.464.758	(2.497.254.640)	8.040.741.454	-
Thuế thu nhập cá nhân	47.201.426	-	866.765.423	(777.905.680)	136.061.169	-
Thuế nhà đất	-	-	6.243.600	(6.243.600)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	21.000.000	(21.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	44.967.433	(44.967.433)	-	-
Cộng	2.891.201.944	22.095.279	18.179.324.056	(12.428.575.077)	8.661.661.213	41.805.569

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	-	18.131.186.841
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.193.449.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	254.794.320
Cộng	12.193.449.000	18.385.981.161

19. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo các hợp đồng cấp hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ tại Công ty mẹ và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (Công ty con) với tổng giá trị hạn mức chiết khấu là 145.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ tháng 3/2024 đến tháng 3/2025). Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên từng đề nghị chiết khấu và do các khách hàng của Nhóm Công ty chi trả. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu và tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty mẹ (xem thuyết minh V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.863.092.722	94.217.242.249
Số tiền vay phát sinh	169.853.660.440	103.401.301.288
Số tiền vay đã trả	(176.721.446.292)	(162.755.450.815)
Số cuối năm	27.995.306.870	34.863.092.722

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.558.845.867	4.615.071.667
Trích lập/Hoàn nhập trong năm	(3.080.508.605)	943.774.200
Số cuối năm	2.478.337.262	5.558.845.867

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	369.499.950.000	(4.390.693.200)	104.952.965.702	6.730.800.481	476.793.022.983
Góp vốn tại Công ty con	-	-	-	110.000.000	110.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	36.948.350.000	-	(36.948.350.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	10.939.109.869	153.407.787	11.092.517.656
Số dư cuối năm trước	406.448.300.000	(4.390.693.200)	78.943.725.571	6.994.208.268	487.995.540.639
Số dư đầu năm nay	406.448.300.000	(4.390.693.200)	78.943.725.571	6.994.208.268	487.995.540.639
Góp vốn tại Công ty con	-	-	-	44.112.017.105	44.112.017.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	30.206.427.734	355.991.832	30.562.419.566
Tạm ứng cổ tức năm 2024 ⁽ⁱ⁾	-	-	(12.193.449.000)	-	(12.193.449.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	885.504.349	885.504.349
Số dư cuối năm nay	406.448.300.000	(4.390.693.200)	96.956.704.305	52.347.721.554	551.362.032.659

⁽ⁱ⁾ Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/HVC/NQ-HĐQT/2024 ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông với tỷ lệ 3% (tương đương 12.193.449.000 VND). Đầu tháng 01 năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức.

21b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	40.644.830	40.644.830

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21c. Kế hoạch tăng vốn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 lần 1 số 01/2024/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT-L1 ngày 16/8/2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 30.000.000 cổ phiếu (tương đương 300.000.000.000 VND) nhằm bổ sung vốn lưu động và bổ sung góp vốn tăng vốn điều lệ của Công ty con (Công ty TNHH Đầu tư HVC Hồ Gươm Hòa Bình) để thực hiện Dự án, thời gian phát hành dự kiến trong 6 tháng đầu năm 2025. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	49.371.579.261	44.084.815.356
Doanh thu bán thành phẩm	11.323.035.161	19.084.827.140
Doanh thu thi công lắp đặt công trình	329.903.663.836	187.641.791.081
Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	2.878.136.924	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.072.789	-
Cộng	<u>393.590.487.971</u>	<u>250.811.433.577</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	43.459.968.217	40.808.413.066
Giá vốn bán thành phẩm	8.988.273.232	14.140.451.179
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	274.118.494.997	152.723.389.759
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	2.962.220.304	-
Cộng	<u>329.528.956.750</u>	<u>207.672.254.004</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	108.230.741	45.591.108
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.748.119.062	2.562.834.676
Lãi tiền cho vay	-	588.249.316
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.216.515	91.884.028
Cộng	<u>1.888.566.318</u>	<u>3.288.559.128</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	639.077.433	747.993.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.443.187	59.874.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	88.783.373	61.479.027
Cộng	<u>756.303.993</u>	<u>869.346.884</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành công trình	(3.080.508.605)	943.774.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	905.909.541	599.591.178
Các chi phí khác	86.700.800	140.150.000
Cộng	<u>(2.087.898.264)</u>	<u>1.683.515.378</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.466.837.318	20.913.107.677
Chi phí đồ dùng văn phòng	524.005.498	809.942.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.777.154.852	2.788.317.537
Thuế, phí và lệ phí	27.243.600	331.027.306
Dự phòng phải thu khó đòi	2.403.904.925	2.961.909.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.569.113.076	2.023.206.835
Các chi phí khác	1.281.038.805	577.881.889
Cộng	<u>29.049.298.074</u>	<u>30.405.393.289</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	131.915.877	1.002.368.462
Xử lý công nợ	243.518.712	369.787.892
Thu nhập khác	429.009.010	10.043.782
Cộng	<u>804.443.599</u>	<u>1.382.200.136</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	237.092.459
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định thanh lý	-	27.272.727.273
Giá trị thanh lý	-	(27.509.819.732)
Phạt do vi phạm hợp đồng	264.157.808	32.403.397
Thuế bị phạt, bị truy thu	69.301.726	145.265.892
Chi phí khác	303.862.602	264.320.458
Cộng	<u>637.322.136</u>	<u>679.082.206</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	30.206.427.734	10.939.109.869
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.206.427.734	10.939.109.869
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	40.644.830	40.644.830
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>743</u>	<u>269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.376.985.904	89.797.294.183
Chi phí nhân công	47.972.148.221	61.218.089.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.877.312.370	3.781.640.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.665.807.706	7.537.021.527
Chi phí khác	3.014.114.225	7.002.037.395
Cộng	309.906.368.426	169.336.083.342

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Thành viên Ban Điều hành dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản cho vay của Công ty với Ông Nguyễn Việt Thắng (*xem thuyết minh số V.5*).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao năm trước (*)	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	515.200.000	515.200.000
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	515.200.000	515.200.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	485.892.500	485.892.500
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	488.403.047	488.403.047
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	490.860.724	490.860.724
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	-	-
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	-	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	-	-
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	291.245.727	291.245.727
Cộng	2.786.801.998	-	2.786.801.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao năm trước (*)	Cộng thu nhập
<i>Năm trước</i>				
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	415.150.000	17.500.000	432.650.000
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	17.500.000	17.500.000
Ông Hai Hiuliu	Thành viên HĐQT	-	17.500.000	17.500.000
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	415.150.000	17.500.000	432.650.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	385.150.000	17.500.000	402.650.000
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	385.150.000	-	385.150.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	365.658.209	-	365.658.209
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	-	12.500.000	12.500.000
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên BKS	-	10.000.000	10.000.000
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	-	6.666.667	6.666.667
Bà Đỗ Thị Lê	Thành viên BKS	-	3.333.333	3.333.333
Cộng		1.966.258.209	150.000.000	2.116.258.209

(*) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không nhận thù lao năm 2023.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chí Thành	Công ty liên kết

Giao dịch và công nợ với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Nhóm Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Nhóm Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện tại thuyết minh V.21a, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường



CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE FINANCIAL YEAR ENDED DECEMBER 31, 2024

**HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY
JOINT STOCK COMPANY**



TABLE OF CONTENTS

	Page
1. Table of contents	1
2. Report of the Board of General Directors	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4
4. Consolidated Balance Sheet as of December 31, 2024	5 - 8
5. Consolidated Income Statement for the financial year ended December 31, 2024	9
6. Consolidated Cash Flow Statement for the financial year ended December 31, 2024	10 - 11
7. Notes to the Consolidated Financial Statements for the financial year ended December 31, 2024	12 - 32

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”) presents its report together with the Consolidated Financial Statements for the financial year ended December 31, 2024, including the Financial Statements of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as the “Group”).

Company Overview

The Company is a joint stock company operating under the Business Registration Certificate No. 0104606490, first registered on April 23, 2010 and registered for the 23rd change on August 16, 2023, issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

Head office

- Address : 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City
- Tel : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

The Company has the following affiliated units:

Unit name	Address
HVC Investment and Technology Joint Stock Company - Hai Phong Branch	Village 4, Thuy Son Commune, Thuy Nguyen District, Hai Phong City
Ho Chi Minh City Branch - HVC Investment and Technology Joint Stock Company	2 nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop, Phuoc Long B Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

The principal business activities of the Company are: Provision and installation of high-end amusement and recreational equipment such as: Ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and installation of M&E systems.

Board of Directors, Supervisory Board and Executive Board

Members of the Board of Directors, Supervisory Board and Executive Board of the Company during the year and up to the date of this report include:

Board of Directors

Full name	Position	Date of reappointment
Mr. Tran Huu Dong	Chairman	April 26, 2023
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman	April 26, 2023
Mr. Le Van Cuong	Member	April 26, 2023
Mr. Truong Thanh Tung	Member	April 26, 2023
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member	April 26, 2023

Supervisory Board

Full name	Position	Date of appointment/reappointment
Ms. Dao Thi Dung	Head of Board	Reappointed on April 26, 2023
Ms. Ha Thi Linh	Member	Reappointed on April 26, 2023
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member	Appointed on April 26, 2023

Executive Board

Full name	Position	Date of appointment
Mr. Le Van Cuong	General Director	September 27, 2021
Mr. Truong Thanh Tung	Deputy General Director	October 21, 2013
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	September 27, 2021
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	October 01, 2022
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	July 06, 2022

Legal Representative

The legal representatives of the Company during the year and up to the date of this report are Mr. Tran Huu Dong - Chairman of the Board of Directors, Mr. Le Van Cuong - General Director and Mr. Truong Thanh Tung - Deputy General Director.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Company Limited has been appointed to audit the Group's Consolidated Financial Statements for the financial year ended December 31, 2024.

Responsibilities of the Board of General Directors

The Board of General Directors is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements that give a true and fair view of the consolidated financial position, results of consolidated operations and consolidated cash flows of the Group for the year. In preparing these Consolidated Financial Statements, the Board of General Directors is required to:

- Select appropriate accounting policies and then apply them consistently;
- Make reasonable and prudent judgments and estimates;
- State whether applicable accounting standards have been complied with, and any material departures from these standards have been disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Consolidated Financial Statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue in operation;
- Establish and maintain an effective internal control system for the purpose of minimizing the risk of material misstatement in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Group and that the accounting records comply with the applicable accounting system. The Board of General Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Group and, hence, for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of General Directors confirms that it has complied with the above requirements in the preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval of the Financial Statements

The Board of General Directors hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements. The Financial Statements give a true and fair view of the Group's consolidated financial position as of December 31, 2024, as well as the results of consolidated operations and consolidated cash flows for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the legal regulations related to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

On behalf of the Board of General Directors,
General Director

Le Van Cuong
March 22, 2025

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF GENERAL DIRECTORS OF
HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”) and its subsidiaries (collectively referred to as the “Group”), prepared on March 22, 2025, from page 05 to page 32, including the Consolidated Balance Sheet as of December 31, 2024, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the financial year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibilities of the Board of General Directors

The Company’s Board of General Directors is responsible for the preparation and fair presentation of the Group’s Consolidated Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and legal regulations related to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements, and for such internal control as the Board of Directors determines necessary to enable the preparation and fair presentation of the Consolidated Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Responsibilities of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require us to comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance as to whether the Group’s Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The audit procedures selected depend on the auditor’s judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group’s preparation and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group’s internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of General Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditor's Opinion

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, the consolidated financial position of the Group as of December 31, 2024, as well as the results of consolidated operations and consolidated cash flows for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and legal regulations related to the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

**A&C Auditing and Consulting Company Limited
Hanoi Branch**

**Vu Minh Khoi – Member of the Board of
General Directors**

*Auditing Practice Registration Certificate No.:
2897-2025-008-1*

Authorized Person

Hanoi, March 22, 2025

Vu Tuan Nghia - Auditor

*Auditing Practice Registration Certificate No.: 4028-
2022-008-1*

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of December 31, 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		342,962,432,560	365,632,445,125
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	97,975,498,572	72,680,252,029
1. Cash	111		18,531,460,238	8,002,721,513
2. Cash equivalents	112		79,444,038,334	64,677,530,516
II. Short-term financial investments	120		25,579,720,524	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provision for devaluation of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		25,579,720,524	-
III. Short-term receivables	130		125,564,109,241	204,351,609,658
1. Short-term trade receivables	131	V.3	103,830,087,761	169,511,991,457
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	3,394,480,797	11,875,697,674
3. Short-term intercompany receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of construction contracts	134		-	-
5. Short-term loan receivables	135	V.5	8,106,630,137	11,106,630,137
6. Other short-term receivables	136	V.6a	26,663,204,530	25,883,679,449
7. Provision for doubtful short-term receivables	137	V.7	(16,430,293,984)	(14,026,389,059)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV. Inventories	140		91,287,859,520	87,461,873,840
1. Inventories	141	V.8	91,287,859,520	87,461,873,840
2. Provision for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		2,555,244,703	1,138,709,598
1. Short-term prepaid expenses	151		23,706,266	-
2. Deductible value-added tax	152		2,489,732,868	1,116,614,319
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	V.15	41,805,569	22,095,279
4. Government bond resale transactions	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Consolidated Balance Sheet (continued)

ASSETS		Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B -	NON-CURRENT ASSETS	200		350,993,221,751	295,526,163,009
I.	Long-term receivables	210		33,000,000	-
1.	Long-term trade receivables	211		-	-
2.	Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3.	Operating capital in affiliated units	213		-	-
4.	Long-term intercompany receivables	214		-	-
5.	Long-term loans receivable	215		-	-
6.	Other long-term receivables	216	V.6b	33,000,000	-
7.	Provision for doubtful long-term receivables	219		-	-
II.	Fixed assets	220		49,369,375,310	52,501,317,310
1.	Tangible fixed assets	221	V.10	49,359,775,296	52,485,317,300
	<i>Historical cost</i>	222		73,569,473,437	72,824,103,067
	<i>Accumulated depreciation</i>	223		(24,209,698,141)	(20,338,785,767)
2.	Finance lease assets	224		-	-
	<i>Historical cost</i>	225		-	-
	<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3.	Intangible fixed assets	227	V.11	9,600,014	16,000,010
	<i>Historical cost</i>	228		22,000,000	32,000,000
	<i>Accumulated depreciation</i>	229		(29,399,986)	(15,999,990)
III.	Investment properties	230	V.12	2,814,624,000	-
	Historical cost	231		2,814,624,000	-
	Accumulated depreciation	232		-	-
IV.	Long-term work in progress	240		178,015,835,737	121,815,868,449
1.	Long-term work in progress	241		-	-
2.	Construction in progress	242	V.13	178,015,835,737	121,815,868,449
V.	Long-term financial investments	250		119,743,182,005	119,780,949,866
1.	Investments in subsidiaries	251		-	-
2.	Investments in joint ventures and associates	252	V.2	119,743,182,005	119,780,949,866
3.	Equity investments in other entities	253		-	-
4.	Provision for long-term financial investments	254		-	-
5.	Held-to-maturity investments	255		-	-
VI.	Other non-current assets	260		1,017,204,699	1,428,027,384
1.	Long-term prepaid expenses	261	V.9	955,067,713	1,428,027,384
2.	Deferred income tax assets	262	V.14	62,136,986	-
3.	Long-term spare parts, supplies, and equipment	263		-	-
4.	Other non-current assets	268		-	-
5.	Goodwill	269		-	-
	TOTAL ASSETS	270		693,955,654,311	661,158,608,134

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Consolidated Balance Sheet (continued)

FUNDS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		142,593,621,652	173,163,067,495
I. Current liabilities	310		142,593,621,652	173,163,067,495
1. Short-term trade payables	311	V.15	43,210,326,338	47,313,431,153
2. Short-term advances from customers	312	V.16	43,137,643,120	59,998,272,743
3. Taxes and other payables to the State budget	313	V.17	8,661,661,213	2,891,201,944
4. Payables to employees	314		4,916,897,849	4,152,241,905
5. Short-term accrued expenses	315		-	-
6. Short-term intercompany payables	316		-	-
7. Payables according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.18	12,193,449,000	18,385,981,161
10. Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	V.19	27,995,306,870	34,863,092,722
11. Short-term provisions for payables	321	V.20	2,478,337,262	5,558,845,867
12. Bonus and welfare fund	322		-	-
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Government bond resale transactions	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		-	-
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Intercompany payables for operating capital	334		-	-
5. Long-term intercompany payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and finance lease liabilities	338		-	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions for payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Consolidated Balance Sheet (continued)

FUNDS	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
D - OWNERS' EQUITY	400		551,362,032,659	487,995,540,639
I. Owners' equity	410	V.21	551,362,032,659	487,995,540,639
1. Owner's contributed capital	411		406,448,300,000	406,448,300,000
- <i>Common shares with voting rights</i>	<i>411a</i>		<i>406,448,300,000</i>	<i>406,448,300,000</i>
- <i>Preferred shares</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Share premium	412		(4,390,693,200)	(4,390,693,200)
3. Convertible bond option	413		-	-
4. Other owners' equity	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Asset revaluation surplus	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Development investment fund	418		-	-
9. Enterprise reorganization support fund	419		-	-
10. Other funds under owners' equity	420		-	-
11. Undistributed profit after tax	421		96,956,704,305	78,943,725,571
- <i>Accumulated undistributed profit after tax as of prior period-end</i>	<i>421a</i>		<i>78,943,725,571</i>	<i>78,943,725,571</i>
- <i>Undistributed profit after tax for the current period</i>	<i>421b</i>		<i>18,012,978,734</i>	-
12. Capital for construction investment	422		-	-
13. Non-controlling interest	429		52,347,721,554	6,994,208,268
II. Funds and other sources	430		-	-
1. Funds	431		-	-
2. Funds used for acquisition of fixed assets	432		-	-
TOTAL FUNDS	440		<u>693,955,654,311</u>	<u>661,158,608,134</u>

Prepared on March 22, 2025

Prepared by

Chief Accountant

General Director

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the financial year ended December 31, 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sale of goods and provision of services	01	VI.1	393,590,487,971	250,811,433,577
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sale of goods and provision of services	10		393,590,487,971	250,811,433,577
4. Cost of goods sold	11	VI.2	329,528,956,750	207,672,254,004
5. Gross profit from sale of goods and provision of services	20		64,061,531,221	43,139,179,573
6. Financial income	21	VI.3	1,888,566,318	3,288,559,128
7. Financial expenses	22	VI.4	756,303,993	869,346,884
Of which: interest expense	23		639,077,433	747,993,224
8. Profit or loss in joint ventures and associates	24	V.2	(37,767,861)	(28,481,783)
9. Selling expenses	25	VI.5	(2,087,898,264)	1,683,515,378
10. General and administrative expenses	26	VI.6	29,049,298,074	30,405,393,289
11. Net profit from operating activities	30		38,194,625,875	13,441,001,367
12. Other income	31	VI.7	804,443,599	1,382,200,136
13. Other expenses	32	VI.8	637,322,136	679,082,206
14. Other profit	40		167,121,463	703,117,930
15. Total accounting profit before tax	50		38,361,747,338	14,144,119,297
16. Current corporate income tax expense	51		7,861,464,758	3,051,601,641
17. Deferred corporate income tax expense	52		(62,136,986)	-
18. Profit after corporate income tax	60		30,562,419,566	11,092,517,656
19. Profit after tax of parent company	61		30,206,427,734	10,939,109,869
20. Profit after tax of non-controlling shareholders	62		355,991,832	153,407,787
21. Basic earnings per share	70	VI.9	743	269
22. Diluted earnings per share	71	VI.9	743	269

Prepared on March 22, 2025

Prepared by

Chief Accountant

General Director

Nguyen Thi Bich Thuan_____
Cao Hai Ngoc_____
Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(According to indirect method)

For the financial year ended December 31, 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		38,361,847,338	14,144,119,297
2. Adjustments for:				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02	V.10,11	3,877,312,370	3,781,640,655
- Provisions	03		(676,603,680)	3,813,914,034
- Gains and losses from foreign exchange differences on revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	VI.4	88,783,373	-
- Gains and losses from investing activities	05		(1,710,351,201)	(2,885,509,750)
- Interest expenses	06	VI.4	639,077,433	747,993,224
- Other adjustments	07		-	-
3. Operating profit before changes in working capital	08		40,579,965,633	19,602,157,460
- Increase or decrease in receivables	09		77,023,895,919	(2,605,657,326)
- Increase or decrease in inventories	10		(3,825,985,680)	33,206,256,867
- Increase or decrease in payables	11		(48,170,359,813)	31,013,499,437
- Increase or decrease in prepaid expenses	12		449,253,405	505,839,697
- Increase or decrease in trading securities	13		-	-
- Interest paid	14		(639,077,433)	(747,993,224)
- Corporate income tax paid	15	V.17	(2,497,254,640)	(6,154,471,039)
- Other receipts from operating activities	16		-	-
- Other payments for operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		62,920,437,391	74,819,631,872
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(59,759,961,658)	(32,258,134,867)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		6,000,000,000	24,000,000,000
3. Payments for loans granted and purchases of debt instruments of other entities	23		(25,579,720,524)	(12,000,000,000)
4. Proceeds from loan recoveries and sale of debt instruments of other entities	24		3,000,000,000	12,000,000,000
5. Payments for capital contributions to other entities	25		-	-
6. Proceeds from capital withdrawals from other entities	26		-	-
7. Interest, dividends and profits received	27		1,470,260,081	2,829,782,827
Net cash flows from investing activities	30		(74,869,422,101)	(5,428,352,040)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Consolidated Cash Flow Statement (continued)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuance of shares and capital contributions from owners	31	V.21	44,112,017,105	110,000,000
2. Return of capital to owners and repurchase of the Company's issued shares	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.19	169,853,660,440	103,401,301,288
4. Repayments of borrowings	34	V.19	(176,721,446,292)	(162,755,450,815)
5. Payments of principal on finance leases	35		-	-
6. Dividends and profits paid to owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<u><i>37,244,231,253</i></u>	<u><i>(59,244,149,527)</i></u>
Net cash flow for the year	50		25,295,246,543	10,147,130,305
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	V.1	72,680,252,029	62,533,121,724
Effect of exchange rate fluctuations on foreign currency translations	61		-	-
Cash and cash equivalents at the end of the year	70	V.1	<u>97,975,498,572</u>	<u>72,680,252,029</u>

Prepared on March 22, 2025

Prepared by**Chief Accountant****General Director**

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

I. OPERATING CHARACTERISTICS**1. Form of capital ownership**

HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company” or “Parent Company”) is a joint stock company.

2. Business fields

The Company's business fields are construction and installation services, real estate business and trading.

3. Business lines

The Company's principal business activities are provision and installation of high-end amusement and recreational equipment such as: Ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and installation of M&E systems.

4. Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle does not exceed 12 months.

5. Group structure

The Group comprises the Parent Company and five subsidiaries under the control of the Parent Company. All subsidiaries have been consolidated in these Consolidated Financial Statements.

5a. Information on capital contribution to subsidiaries

During the year, the Company contributed 105 billion VND to HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited as committed.

5b. List of consolidated subsidiaries

Company name	Head office address	Principal business activities	Percentage of ownership	Percentage of interest	Percentage of voting rights
HVC Hung Yen Company Limited	Tho Binh Village, Tan Dan Commune, Khoai Chau District, Hung Yen Province	Manufacture of metal products	99%	99%	99%
HVC Electricity Total Contractor Company Limited	8 th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems	90%	90%	90%
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	8 th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems	95%	95%	95%
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	Nuoc Hang Hamlet, Mong Hoa Commune, Hoa Binh City, Hoa Binh Province	Real estate business, resort tourism	99%	99%	99%
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited ⁽ⁱ⁾	Nuoc Hang Hamlet, Mong Hoa Commune, Hoa Binh City, Hoa Binh Province	Real estate business, resort tourism	70%	70%	70%

5c. List of Associates reflected in the Consolidated Financial Statements using the equity method

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Company name	Head office address	Business activities	Percentage of interest	Percentage of voting rights
Chi Thanh Joint Stock Company	Nuoc Hang Hamlet, Mong Hoa Commune, Hoa Binh City, Hoa Binh Province	Housing construction	44%	45%

6. Statement of comparability of information in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to the figures of the current year.

7. Employees

At the end of the financial year, the Group had 184 employees (The number at the beginning of the year was 217 employees).

II. FINANCIAL YEAR, CURRENCY USED IN ACCOUNTING

1. Financial year

The Group's financial year begins on January 1 and ends on December 31 each year.

2. Accounting currency

The accounting currency is Vietnamese Dong (VND) because most transactions are conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable accounting system

The Group applies Vietnam Accounting Standards and Vietnam Enterprise Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 providing guidance on the Enterprise Accounting System, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 providing guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements, and other circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on compliance with accounting standards and system

The Board of General Directors ensures that it has complied with the requirements of Vietnam Accounting Standards, Vietnam Enterprise Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, and other circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis for preparation of Consolidated Financial Statements

The Consolidated Financial Statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

2. Basis of consolidation

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

The Consolidated Financial Statements comprise the Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its Subsidiaries. A Subsidiary is an entity that is controlled by the Parent Company. Control exists when the Parent Company has the power, directly or indirectly, to govern the financial and operating policies of a Subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining control, potential voting rights arising from options or debt and equity instruments convertible into ordinary shares as at end of the financial year are also considered.

The operating results of Subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or up to the date of disposal of the investment in such Subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and Subsidiaries used for consolidation purposes are prepared for the same accounting period and apply uniform accounting policies for like transactions and events in similar circumstances. Where a Subsidiary applies different accounting policies from those adopted uniformly within the Group, appropriate adjustments are made to the Subsidiary's Financial Statements before inclusion in the Consolidated Financial Statements.

Balances in the Balance Sheet between the Parent Company and its Subsidiaries, between Subsidiaries, intra-group transactions, and unrealized intra-group profits arising from these transactions must be eliminated in full. Unrealized losses arising from intra-group transactions are also eliminated unless the cost of the loss cannot be recovered.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss in the results of operations and net assets of the Subsidiaries not held by the Group and are presented separately in the Consolidated Income Statement and in the Consolidated Balance Sheet (as part of equity). Non-controlling interests include the value of non-controlling interests at the date of the initial business combination and their share of changes in equity since the date of the business combination. Losses incurred by subsidiaries are allocated to non-controlling interests in proportion to their ownership interests, even if such losses exceed the non-controlling interests in the Subsidiaries' net assets.

3. Foreign currency transactions

Transactions arising in foreign currencies are translated at the exchange rates prevailing at the transaction dates. Monetary items denominated in foreign currencies at the end of the financial year are retranslated at the exchange rates prevailing at that date.

Foreign exchange differences arising during the year from foreign currency transactions are recognized in financial income or financial expenses. Foreign exchange differences from the revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the financial year, after offsetting gains and losses, are recognized in financial income or financial expenses.

The exchange rate used for converting foreign currency transactions is the actual transaction exchange rate at the transaction date. The actual transaction exchange rate for foreign currency transactions is determined as follows:

- For foreign exchange sales contracts (spot contracts, forward contracts, futures contracts, options contracts, swap contracts): the exchange rate signed in the foreign currency sales contract between the Group and the bank.
- For payables: the selling rate of foreign currency of the commercial bank where the Group expects to conduct the transaction at the transaction date.

The exchange rate used to revalue monetary items denominated in foreign currencies at the end of the financial year is determined as follows: For monetary items classified as liabilities: the selling rate of foreign currency of the Bank with which the Group frequently transacts.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

4. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments with a maturity of not more than three (03) months from the date of investment, readily convertible into a known amount of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value at the reporting date.

5. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity when the Group has the intention and ability to hold them to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits at banks and certificates of deposit issued by the Bank. Interest income from held-to-maturity investments after the acquisition date is recognized in the Income Statement on an accrual basis.

Loans

Loans are measured at cost less provisions for doubtful debts. Provision for doubtful debts of loans is made based on the expected level of loss that may occur.

Investments in associates

Associates

An associate is an entity over which the Group has significant influence but not control over its financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but is not control over those policies.

Investments in associates are accounted for using the equity method. Accordingly, investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements at its initial investment cost and adjusted for changes in the Group's share of the associate's net assets after the date of investment. If the Group's share of the associates' losses equals or exceeds the carrying amount of the investments, the carrying amount of the investments presented in the Consolidated Financial Statements is reduced to zero unless the Group has incurred obligations to make payments on behalf of the associates.

The Financial Statements of the associates are prepared for the same accounting period as the Group's Consolidated Financial Statements. Where the accounting policies of the associates differ from those adopted consistently by the Group, appropriate adjustments are made to the associates' Financial Statements before they are used for the preparation of the Consolidated Financial Statements.

Unrealized profits and losses arising from transactions with associates are eliminated to the extent of the Group's interest in the associates when preparing the Consolidated Financial Statements.

6. Receivables

Receivables are presented at their carrying amounts less provision for doubtful debts.

The classification of receivables into trade receivables and other receivables is based on the following principles:

- Trade receivables represent commercial receivables arising from purchase and sale transactions between the Group and independent buyers.
- Other receivables represent non-commercial receivables that are not related to purchase and sale transactions.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Provision for doubtful debts is established for each doubtful receivable after offsetting with payable amounts (if any). The provision is based on the aging of overdue debts or estimated possible losses, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the outstanding balance for receivables overdue from over 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the outstanding balance for receivables overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the outstanding balance for receivables overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the outstanding balance for receivables overdue from 3 years and over.
- For receivables not yet overdue but likely irrecoverable: provision is based on the estimated loss.

Any increase or decrease in the provision for doubtful debts that needs to be recognized at the end of the financial year is recorded in general and administrative expenses.

7. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- Materials and goods: comprises purchase costs and directly attributable expenses incurred to bring the inventories to their current location and condition.
- Work-in-progress: includes direct material costs, direct labor costs, and other directly related expenses.

Cost of inventories issued is calculated using the weighted average method and accounted for under the perpetual inventory method.

Net realizable value is the estimated selling price in the ordinary course of business less estimated costs of completion and estimated costs necessary to make the sale.

Provision for devaluation of inventories is made for each inventory item whose cost is higher than its net realizable value. Any increase or decrease in the provision for devaluation of inventories to be recognized at the end of the financial year is recorded in cost of goods sold.

8. Prepaid expenses

Prepaid expenses include actual expenses incurred but related to production and business activities of multiple accounting periods. These prepaid expenses are amortized over the period of prepayment or the period during which the corresponding economic benefits are generated from such expenses.

The Group's prepaid expenses mainly comprise:

Tool and instrument expenses

Tool and tool expenses are amortized on a straight-line basis over a period ranging from 12 to 36 months.

Land clearance expenses

Land clearance expenses represent amounts paid by the Company for land clearance. These expenses are amortized on a straight-line basis over a period of 63 months.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation. The historical cost of tangible fixed assets includes all costs incurred by the Group to acquire the fixed asset up to the

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

time the asset is ready for its intended use. Subsequent expenditures are added to the historical cost of the fixed asset only when it is probable that future economic benefits associated with the asset will flow to the Company. All other subsequent expenditures are recognized in production and business expenses for the year.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their historical cost and accumulated depreciation are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

<u>Type of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Buildings and structures	05 - 50
Machinery and equipment	03 - 07
Means of transport and transmission	06 - 10
Management equipment and tools	04

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation.

The historical cost of intangible fixed assets includes all costs incurred by the Group to acquire the fixed asset up to the time the asset is ready for its intended use. Subsequent expenditures related to intangible fixed assets are recognized as production and business expenses in the period unless such expenditures are directly attributable to a specific intangible fixed asset and are expected to generate future economic benefits.

When intangible fixed assets are sold or disposed of, their historical cost and accumulated depreciation are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the year.

The Group's intangible fixed assets consist of project management software, and costs related to this software that are not an integral part of the related hardware are capitalized. The historical cost of the project management software comprises all costs incurred by the Group up to the time the software is ready for use. Computer software is amortized using the straight-line method over 5 years.

11. Investment properties

Investment properties represent the land and house use rights owned by the Group that are held for the purpose of capital appreciation. Investment properties held for capital appreciation are presented at historical cost less impairment. The historical cost of investment properties includes all costs incurred by the Group or the fair value of consideration given to acquire such properties up to the date of purchase or construction completion.

Subsequent expenditures related to investment properties are recognized as expenses when incurred, unless such expenditures are expected to generate future economic benefits beyond the originally assessed level of performance, in which case they are capitalized as an addition to the historical cost.

When investment properties are disposed of, both the historical cost and accumulated depreciation (if any) are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the year.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Transfers from owner-occupied properties or inventories to investment properties are made only when the owner ceases to use the asset and begins to lease it out to other parties under an operating lease, or when the construction phase is completed. Transfers from investment properties to owner-occupied properties or inventories are made only when the owner begins to use the property or intends to sell it. Such transfers do not change the historical cost or carrying amount of the properties at the date of transfer.

Investment properties held for capital appreciation are not depreciated. In case there is objective evidence indicating that investment properties held for capital appreciation are impaired compared to market value and such impairment can be reliably measured, the historical cost of these properties shall be reduced, and the impairment loss shall be recognized in cost of goods sold.

12. Construction in progress

Construction in progress reflects direct costs (including interest expenses directly attributable in accordance with the Group's accounting policies) relating to assets under construction or machinery and equipment under installation for production, rental, management purposes, and expenses related to the repair of fixed assets under improvement. These assets are recognized at cost and are not depreciated.

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future in respect of goods and services already received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of amounts to be paid.

The classification of payables into trade payables, accrued expenses, and other payables is determined based on the following principles:

- Trade payables reflect commercial payables arising from transactions of purchasing goods, services, assets, with independent suppliers of the Group.
- Accrued expenses reflect payables for goods and services received from suppliers or provided to customers but not yet paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents, and payables to employees for unused leave and other accrued production and business expenses.
- Other payables reflect non-commercial payables, not arising from transactions of purchasing, selling, or providing goods and services.

Payables and accrued expenses are classified as current or non-current liabilities in the Consolidated Balance Sheet based on their remaining term as of the financial year-end.

14. Provisions

Provisions are recognized when the Group has a present obligation (legal or constructive) as a result of past events, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation, and a reliable estimate of the amount can be made.

Where the effect of time is material, provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax discount rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability. An increase in provisions due to the passage of time is recognized as a financial expense.

The Group's provisions include provisions for construction warranty costs, which are set up for each type of construction project that is subject to warranty obligations. Specifically, for construction projects where the proportion of goods is less than 75% and the proportion of

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

installation labor and auxiliary materials is 25% or more, the Group establishes a provision for warranty costs based on the warranty rate committed in each contract, but not exceeding 5% of the total contract value.

Any increase or decrease in construction warranty provisions that need to be adjusted at the end of the financial year is recognized in selling expenses.

15. Owner's equity

Owner's contributed capital

Owner's contributed capital is recognized based on the actual capital contributed by the shareholders.

Share premium

Share premium is recognized as the difference between the issuance price and the par value of shares in the initial or additional issuance, the difference between the reimbursement price and the book value of treasury shares, and the equity component of convertible bonds upon maturity. Direct costs related to the additional issuance of shares and the reissuance of treasury shares are deducted from share premium.

16. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriations to reserves in accordance with the Company's Charter, legal regulations, and as approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into consideration non-monetary items included in undistributed profits after tax, which may affect cash flows and the ability to pay dividends, such as gains from revaluation of assets contributed as capital, revaluation gains on monetary items, financial instruments, and other non-monetary items.

Dividends are recognized as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

17. Revenue and income recognition

Revenue from sale of goods and finished products

Revenue from sale of goods and finished products is recognized when all the following conditions are satisfied:

- The Group has transferred considerably all risks and rewards of ownership of the goods and finished products to the buyer.
- The Group no longer retains the right to manage the goods as the owner of the goods and finished products or the right to control the goods.
- The amount of revenue can be measured reliably. Where the contract allows the buyer to return the goods under specific conditions, revenue is recognized only when such conditions no longer exist and the buyer is no longer entitled to return the goods and products (except in cases where the customer has the right to return the goods and products in exchange for other goods or services).
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Group.
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue from provision of services

Revenue from provision of services is recognized when all the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. Where the contract allows the buyer to return the service under specific conditions, revenue is recognized only when such conditions no longer exist and the buyer is no longer entitled to return the provided service.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Group.
- The portion of work completed at the reporting date can be determined.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In case services are rendered over multiple periods, revenue is recognized in the period based on the results of the work completed at the end of the accounting period.

Interest

Interest is recognized on the basis of time and the actual interest rate for each period.

Distributed dividends and profits

Distributed dividends and profits are recognized when the Group is entitled to receive dividends or profits from capital contributions. Dividends received in the form of shares are only tracked by the number of shares increased, not the value of the shares received.

18. Construction contracts

A construction contract is an agreement entered into for the construction of an asset or a combination of assets that are closely interrelated or interdependent in terms of their design, technology, function, or their ultimate purpose or use.

When the outcome of a construction contract can be reliably estimated:

For construction contracts under which the contractor is entitled to be paid based on the value of work performed, revenue and costs associated with the contract are recognized in proportion to the work completed and certified by the customer, as reflected in the issued invoices.

Increases and decreases in construction volumes, compensation and other revenues are only recognized as revenue when agreed with customers.

When the outcome of a construction contract cannot be reliably estimated:

- Revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred that are likely to be recoverable.
- Contract costs are recognized as an expense in the period in which they are incurred.

19. Borrowing costs

Borrowing costs include interest expenses and other costs directly attributable to borrowings. Borrowing costs are recognized as an expense when incurred.

20. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits recognized when incurred or when it is probable that they will be incurred in the future, regardless of whether cash payment has been made or not.

Expenses and the related revenues must be recognized simultaneously following the matching principle. In cases where the matching principle conflicts with the prudence principle, expenses are recognized based on the nature of the transaction and in accordance with applicable accounting standards to ensure that transactions are presented fairly and reasonably.

21. Corporate income tax

Corporate income tax expense comprises current income tax and deferred income tax.

Current income tax

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Current income tax is the amount of tax payable based on assessable income. Assessable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, non-deductible expenses, non-taxable income, and tax losses carried forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or recoverable arising from temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the tax bases of such assets and liabilities. Deferred income tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences. Deferred income tax assets are recognized only to the extent that it is probable that future assessable profits will be available against which the deductible temporary differences can be utilized.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at the end of each financial year and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient assessable profits will be available to allow all or part of the deferred income tax assets to be utilized. Previously unrecognized deferred income tax assets are reassessed at the end of the financial year and recognized to the extent that it has become probable that future assessable profits will allow the deferred tax assets to be utilized.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled, based on the tax rates that are effective at the end of the financial year. Deferred income tax is recognized in the Income Statement and is recognized directly in equity only when it relates to items that are recognized directly in equity.

22. Related parties

Parties are considered related if one party has the ability to control or exert significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered related if they are subject to common control or significant common influence.

When assessing related party relationships, the substance of the relationship is emphasized over its legal form.

23. Segment report

A business segment is a distinguishable component engaged in providing products or services that are subject to risks and returns different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component engaged in providing products or services within a particular economic environment and subject to risks and returns different from those operating in other economic environments.

Segment information is prepared and presented in a manner consistent with the accounting policies applied in the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**V. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET****1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash	402,295,835	607,083,264
Demand deposits at banks	18,129,164,403	7,395,638,249
Cash equivalents (<i>Term deposits with maturities of less than 3 months</i>)	79,444,038,334	64,677,530,516
Total	<u>97,975,498,572</u>	<u>72,680,252,029</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits ⁽ⁱ⁾	2,200,000,000	-
Certificates of deposit ⁽ⁱⁱ⁾	23,379,720,524	-
Total	<u>25,579,720,524</u>	<u>-</u>

(i) Six-month term deposit at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, bearing interest at 3.9% per annum. This term deposit is pledged to secure the issuance of a performance security at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank.

(ii) Bao Loc certificates of deposit issued by Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, bearing interest at 4.1% per annum.

2b. Investments in associates

The Group has invested in only one Associate, which is Chi Thanh Joint Stock Company. According to Business Registration Certificate No. 5400233946 dated September 9, 2008, issued by Hoa Binh Department of Planning and Investment, Chi Thanh Joint Stock Company has a charter capital of 120 billion VND. The Group holds 5,400,000 shares, with a par value of 54 billion VND, representing 45% of the Associate's charter capital.

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cost	119,820,000,000	119,820,000,000
Post-acquisition profit	(76,817,995)	(39,050,134)
Total	<u>119,743,182,005</u>	<u>119,780,949,866</u>

The value of the Group's interest in the associate is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Năm trước</u>
Beginning balance	119,780,949,866	119,809,431,649
Profit for the year	(37,767,861)	(28,481,783)
Ending balance	<u>119,743,182,005</u>	<u>119,780,949,866</u>

Operations of the associate

The associate is in the investment stage.

Transactions with associates

The Group has not entered into any transactions with the associate.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**3. Short-term trade receivables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Vinhomes Joint Stock Company - Hung Yen Branch	23,538,893,905	70,922,507,344
Cat Hai Construction Limited Company	14,063,860,576	11,290,707,879
Spool Smart Pool Joint Stock Company	6,534,574,770	29,484,574,770
Other customers	59,692,758,510	57,814,201,464
Total	<u>103,830,087,761</u>	<u>169,511,991,457</u>

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Gia Phu Capital Viet Nam Joint Stock Company	-	7,457,989,728
Cid Vietnam Joint Stock Company	346,000,000	346,000,000
Viettel Construction Joint Stock Corporation	537,553,462	-
Baleine Co.,Ltd	486,275,200	284,442,000
Other suppliers	2,024,652,135	3,787,265,946
Total	<u>3,394,480,797</u>	<u>11,875,697,674</u>

5. Short-term loan receivables

A loan granted to Mr. Nguyen Viet Thang on February 15, 2023, secured by 10% of charter capital owned by Mr. Nguyen Viet Thang in Song Thao Company Limited. On October 2, 2023, the Company entered into a contract to acquire the 10% of the capital contribution in Song Thao Company Limited from Mr. Nguyen Viet Thang with a transfer value of 11,106,630,137 VND. The outstanding loan will be offset against the transfer amount payable to Mr. Nguyen Viet Thang when the transfer procedure is completed. However, as the transfer procedures have not yet been fully completed, Mr. Nguyen Viet Thang has temporarily repaid a portion of the loan and will settle the remaining balance in full if the transfer procedures are not finalized. The loan has secured assets.

6. Other receivables**6a. Other short-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Provision	Value	Provision
Advances	8,151,650	-	38,380,000	-
Deposits and security deposits	4,624,185,223	-	4,060,907,065	-
Novareal Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	20,338,999,164	-	20,338,999,164	-
Receivable for land compensation from People's Committee of Khoai Chau District ⁽ⁱⁱ⁾	1,380,000,900	-	1,380,000,900	-
Accrued interest on deposits	311,692,593	-	33,833,612	-
Other short-term receivables	175,000	-	31,558,708	-
Total	<u>26,663,204,530</u>	-	<u>25,883,679,449</u>	-

⁽ⁱ⁾ Deposit under the agreement dated March 28, 2023, the Company made a deposit to enter into a contract when the Employer of the Project "Housing area of 4.2777 ha, in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City" is eligible to sell Real Estate.

⁽ⁱⁱ⁾ Deposit for securing the implementation of the Investment Project for the HVC Factory manufacturing iron and steel equipment, water filtration and treatment devices, and interior wooden furniture in Tan Dan Commune, Khoai Chau District, Hung Yen Province. According to Official Letter No. 897/STC-GCS&DN dated August 2, 2022, issued by the Department of Finance of Hung

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Yen Province, this deposit amount will be deducted from the land rent payable after HVC Hung Yen Company Limited fulfills the refund conditions as stipulated in Article 26 of Decree No. 31/2021/ND-CP dated March 26, 2021 by the Government.

6b. Other long-term receivables

This represents long-term deposits and security deposits.

7. Bad debts

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Cienco5 Land Development Corporation	9,600,000,000	(9,600,000,000)	9,600,000,000	(9,600,000,000)
Delta - Valley Binh Thuan Company Limited	8,118,447,924	(4,059,223,962)	-	-
My An Tourist Joint Stock Company	1,050,144,045	(747,675,284)	5,036,044,045	(2,527,003,774)
Receivables from other organizations and individuals	2,023,394,738	(2,023,394,738)	2,127,604,522	(1,899,385,285)
Total	20,791,986,707	(16,430,293,984)	16,763,648,567	(14,026,389,059)

Movement of provision for doubtful debts:

	Current year	Previous year
Beginning balance	14,026,389,059	11,064,479,282
Additional provision	2,403,904,925	2,961,909,777
Ending balance	16,430,293,984	14,026,389,059

8. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Materials	2,345,922,652	-	5,883,950,429	-
Work in progress	63,570,766,266	-	65,722,124,345	-
Goods	25,371,170,602	-	15,855,799,066	-
Total	91,287,859,520	-	87,461,873,840	-

9. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Tool and instrument expenses	147,374,614	357,356,848
Site clearance expenses	682,355,752	892,311,376
Other long-term prepaid expenses	125,337,347	178,359,160
Total	955,067,713	1,428,027,384

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**10. Tangible fixed assets**

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transport and transmission	Management equipment and tools	Total
Historical cost					
Beginning balance	55,148,627,525	11,783,657,933	4,863,680,673	1,028,136,936	72,824,103,067
Purchase for the year	-	745,370,370	-	-	745,370,370
Ending balance	55,148,627,525	12,529,028,303	4,863,680,673	1,028,136,936	73,569,473,437
<i>Of which:</i>					
Fully depreciated but still in use	2,400,223,046	545,265,200	1,942,491,582	127,000,000	5,014,979,828
Pending disposal	-	-	-	-	-
Depreciation					
Beginning balance	12,917,963,060	4,455,546,453	2,428,188,028	537,088,226	20,338,785,767
Depreciation for the year	2,273,580,299	995,208,362	493,551,529	108,572,184	3,870,912,374
Ending balance	15,191,543,359	5,450,754,815	2,921,739,557	645,660,410	24,209,698,141
Carrying amount					
Beginning balance	42,230,664,465	7,328,111,480	2,435,492,645	491,048,710	52,485,317,300
Ending balance	39,957,084,166	7,078,273,488	1,941,941,116	382,476,526	49,359,775,296
<i>Of which:</i>					
Temporarily unused	-	-	-	-	-
Pending disposal	-	-	-	-	-

Tangible fixed assets with a carrying amount of 20,012,502,751 VND are pledged as collateral for the Group's bank loans (refer to Note V.18).

11. Intangible fixed assets

Is the enterprise management software system.

	Historical cost	Depreciation	Carrying amount
Beginning balance	32,000,000	15,999,990	16,000,010
Depreciation for the year	-	6,399,996	(6,399,996)
Ending balance	32,000,000	22,399,986	9,600,014
Temporarily unused	-	-	-
Pending disposal	-	-	-

12. Investment properties

Is the value of land use rights located in Bach Quang Ward, Song Cong City, Thai Nguyen Province.

In accordance with Vietnam Accounting Standard No. 05 "Investment Properties," the fair value of investment properties at the end of the financial year should be disclosed. However, the Group has not yet determined the fair value of these investment properties due to the absence of necessary conditions to conduct a valuation.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**13. Construction in progress**

Expenses incurred for the execution of the Project of Garden Villas, Afforestation, and Eco-Tourism located in Mong Hoa Commune, Ky Son District, Hoa Binh Province.

The People's Committee of Hoa Binh Province issued Decision No. 15/QD-UBND dated May 15, 2024, approving the joint venture between HVC Investment and Technology Joint Stock Company and Ho Guom Group Joint Stock Company as employers of the Project. The project enterprise is HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited.

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	121,815,868,449	89,948,612,000
Expenses incurred during the year	56,199,967,288	31,867,256,449
Ending balance	<u>178,015,835,737</u>	<u>121,815,868,449</u>

14. Deferred income tax assets

Deferred tax assets relating to deductible temporary differences arising from the consolidation of Financial Statements. The movements are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	-	-
Recognized in profit or loss	62,136,986	-
Ending balance	<u>62,136,986</u>	<u>-</u>

15. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Ademax Joint Stock Company	5,151,845,600	-
Atl Investment and Trading Joint Stock Company	5,756,322,122	11,045,350
Gia Vinh Trading and Investment Company Limited	3,468,318,857	8,700,961,865
Duy Tan Electric Material Company Limited	207,769,704	6,957,045,704
Yixing Sea Fountain Equipment Co.,Ltd	8,142,974,971	1,210,664,592
Other suppliers	20,483,095,084	30,433,713,642
Total	<u>43,210,326,338</u>	<u>47,313,431,153</u>

16. Short-term prepayments from customers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
SCG Construction Group Joint Stock Company	9,869,383,667	9,825,700,805
Van Phuc Co., Ltd.	7,266,166,287	7,266,166,287
Olympia Civil Construction Limited Liability Company	4,758,229,699	-
Tung Feng Construction Engineering (Vietnam) Co., Ltd	17,486,560,585	38,624,204,541
Other customers	3,757,302,882	4,282,201,110
Total	<u>43,137,643,120</u>	<u>59,998,272,743</u>

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**17. Taxes and payables to the Sate budget**

	Beginning balance		Accrued during the year		Ending balance	
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount paid	Payable	Receivable
VAT on domestic sales	145,445,903	72,000	4,849,844,224	(4,552,165,106)	484,858,590	41,805,569
VAT on imported goods	-	-	4,267,101,712	(4,267,101,712)	-	-
Import and export tax	-	-	261,936,906	(261,936,906)	-	-
Corporate income tax	2,698,554,615	22,023,279	7,861,464,758	(2,497,254,640)	8,040,741,454	-
Personal income tax	47,201,426	-	866,765,423	(777,905,680)	136,061,169	-
Land and property tax	-	-	6,243,600	(6,243,600)	-	-
Business license fees	-	-	21,000,000	(21,000,000)	-	-
Other taxes	-	-	44,967,433	(44,967,433)	-	-
Total	2,891,201,944	22,095,279	18,179,324,056	(12,428,575,077)	8,661,661,213	41,805,569

Value-added tax

The Group pays value-added tax by deduction method at the rate of 8% and 10%.

Import tax

The Group declares and pays import tax based on notifications issued by the Customs Authority.

Corporate income tax

The Group is subject to corporate income tax on assessable income at a tax rate of 20%

Corporate income tax payable for the year is estimated as follows:

The determination of the Parent Company and its subsidiaries's corporate income tax payable is based on prevailing tax regulations. However, these regulations are subject to change from time to time, and the interpretation of tax regulations applicable to various transactions may vary. As a result, the tax amounts presented in the Interim Consolidated Financial Statements may be subject to adjustments upon examination by the tax authorities.

Other taxes

The Group declares and pays according to regulations.

18. Other short-term payables

	Ending balance	Beginning balance
Chien Thang Garment Joint Stock Company	-	18,131,186,841
Dividends and profits payable	12,193,449,000	-
Other short-term payables	-	254,794,320
Total	12,193,449,000	18,385,981,161

19. Short-term borrowings

These are borrowings from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank under the Credit Line Discounting Contract for Promissory Notes signed with the Parent Company and HVC Park Entertainment Equipment Company Limited (a subsidiary) with a total discount limit of 145,000,000,000 VND. The term of the discount limit is 12 months (from March 2024 to March 2025). The discount interest rate is specifically determined for each discount request and paid by the Group's customers. The discount term is stipulated in each discount request and shall not exceed the remaining maturity of the Promissory Notes, with a maximum of 365 calendar days.

The bank loans are secured by the Parent Company's asset mortgage contracts (see Note V.10).

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Details of short-term borrowings incurred during the year are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	34,863,092,722	94,217,242,249
New borrowings	169,853,660,440	103,401,301,288
Repaid borrowings	<u>(176,721,446,292)</u>	<u>(162,755,450,815)</u>
Ending balance	<u>27,995,306,870</u>	<u>34,863,092,722</u>

20. Short-term provisions

Short-term provisions represent provisions for warranty expenses of construction works. Details of movements during the year are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	5,558,845,867	4,615,071,667
Provision/reversal during the year	<u>(3,080,508,605)</u>	<u>943,774,200</u>
Ending balance	<u>2,478,337,262</u>	<u>5,558,845,867</u>

21. Owner's equity**21a. Reconciliation table of changes in owner's equity**

	Owner's contributed capital	Share premium	Undistributed profit after tax	Non-controlling interest	Total
Beginning balance of previous year	369,499,950,000	(4,390,693,200)	104,952,965,702	6,730,800,481	476,793,022,983
Capital contribution in subsidiary	-	-	-	110,000,000	110,000,000
Stock dividend distributed	36,948,350,000	-	(36,948,350,000)	-	-
Profit for previous year	-	-	10,939,109,869	153,407,787	11,092,517,656
Ending balance of previous year	<u>406,448,300,000</u>	<u>(4,390,693,200)</u>	<u>78,943,725,571</u>	<u>6,994,208,268</u>	<u>487,995,540,639</u>
Beginning balance of current year	406,448,300,000	(4,390,693,200)	78,943,725,571	6,994,208,268	487,995,540,639
Capital contribution in subsidiary	-	-	-	44,112,017,105	44,112,017,105
Profit for the year	-	-	30,206,427,734	355,991,832	30,562,419,566
Interim dividend 2024 ⁽ⁱ⁾	-	-	(12,193,449,000)	-	(12,193,449,000)
Increase from business combination	-	-	-	885,504,349	885,504,349
Ending balance of current year	<u>406,448,300,000</u>	<u>(4,390,693,200)</u>	<u>96,956,704,305</u>	<u>52,347,721,554</u>	<u>551,362,032,659</u>

⁽ⁱ⁾ According to the Board of Directors' Resolution No. 09/HVC/NQ-HDQT/2024 dated December 11, 2024, the Company has declared an interim dividend for 2024 to shareholders at a rate of 3% (equivalent to 12,193,449,000 VND). The interim dividend payment was made in early January 2025.

21b. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of common shares authorized for issuance	40,644,830	40,644,830
Number of common shares issued	40,644,830	40,644,830
Number of common shares outstanding	40,644,830	40,644,830

Par value per share: 10,000 VND.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**21c. Capital increase plan**

According to the Extraordinary General Meeting of Shareholders' Resolution No. 01/2024/HVC/NQ-DHDCDBT-L1 dated August 16, 2024, the shareholders approved the private placement plan to increase charter capital. Accordingly, the Company plans to issue 30,000,000 shares (equivalent to 300,000,000,000 VND) to supplement working capital and contribute additional capital to increase charter capital of the subsidiary (HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited) for project implementation. The issuance is expected to take place within the first six months of 2025. The General Meeting of Shareholders has authorized the Board of Directors to decide and implement all related tasks and procedures for the issuance.

VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sale of goods and provision of services**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sale of goods	49,371,579,261	44,084,815,356
Revenue from semi-finished products	11,323,035,161	19,084,827,140
Revenue from construction and installation services	329,903,663,836	187,641,791,081
Revenue from investment property business	2,878,136,924	-
Revenue from provision of services	114,072,789	-
Total	<u>393,590,487,971</u>	<u>250,811,433,577</u>

2. Cost of goods sold

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Cost of goods sold	43,459,968,217	40,808,413,066
Cost of semi-finished products	8,988,273,232	14,140,451,179
Cost of construction and installation services	274,118,494,997	152,723,389,759
Cost of investment property business	2,962,220,304	-
Total	<u>329,528,956,750</u>	<u>207,672,254,004</u>

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest on demand deposits	108,230,741	45,591,108
Interest on term deposits	1,748,119,062	2,562,834,676
Loan interest	-	588,249,316
Foreign exchange gains	32,216,515	91,884,028
Total	<u>1,888,566,318</u>	<u>3,288,559,128</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expense	639,077,433	747,993,224
Foreign exchange losses	28,443,187	59,874,633
Foreign exchange loss from revaluation of monetary items denominated in foreign currency	88,783,373	61,479,027
Total	<u>756,303,993</u>	<u>869,346,884</u>

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

5. Selling expenses	Current year	Previous year
Provision/(Reversal) of provision for construction warranty	(3,080,508,605)	943,774,200
Outsourced services	905,909,541	599,591,178
Other expenses	86,700,800	140,150,000
Total	(2,087,898,264)	1,683,515,378
6. General and administrative expenses	Current year	Previous year
Employee expenses	19,466,837,318	20,913,107,677
Office supplies	524,005,498	809,942,268
Depreciation of fixed assets	2,777,154,852	2,788,317,537
Taxes, fees and charges	27,243,600	331,027,306
Provision for doubtful debts	2,403,904,925	2,961,909,777
Outsourced services	2,569,113,076	2,023,206,835
Other expenses	1,281,038,805	577,881,889
Total	29,049,298,074	30,405,393,289
7. Other income	Current year	Previous year
Penalty income from breach of contract	131,915,877	1,002,368,462
Debt settlement	243,518,712	369,787,892
Other income	429,009,010	10,043,782
Total	804,443,599	1,382,200,136
8. Other expenses	Current year	Previous year
Loss on disposal of fixed assets	-	237,092,459
<i>Carrying amount of disposed fixed assets</i>	-	27,272,727,273
<i>Proceeds from disposal</i>	-	(27,509,819,732)
Penalty for breach of contract	264,157,808	32,403,397
Tax penalties and arrears	69,301,726	145,265,892
Other expenses	303,862,602	264,320,458
Total	637,322,136	679,082,206
9. Earnings per share		
9a. Basic/diluted earnings per share	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax attributable to the Parent Company's shareholders	30,206,427,734	10,939,109,869
Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine profit attributable to ordinary shareholders:	-	-
Profit used to calculate basic earnings per share	30,206,427,734	10,939,109,869
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year	40,644,830	40,644,830
Earnings per share	743	269

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)**9b. Other information**

There were no transactions involving ordinary shares or potential ordinary shares occurring from the end of the financial year to the date of issuance of these Consolidated Financial Statements.

10. Production and business expenses by element

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Raw materials and supplies	237,376,985,904	89,797,294,183
Labor costs	47,972,148,221	61,218,089,582
Depreciation of fixed assets	3,877,312,370	3,781,640,655
Outsourced services	17,665,807,706	7,537,021,527
Other expenses	3,014,114,225	7,002,037,395
Total	<u>309,906,368,426</u>	<u>169,336,083,342</u>

VII. OTHER INFORMATION**1. Transactions and balances with related parties**

Related parties of the Company include key management personnel, individuals related to key management personnel, and other related parties.

1a. Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel

Key management personnel include members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Executive Board (including the General Director and Chief Accountant). Individuals related to key management personnel are close family members of such key management personnel.

Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel

The Company did not enter into any transactions and had no outstanding balances with key management personnel and individuals related to key management personnel.

Guarantee Commitment

Member of the Executive Board used his/her land use rights to secure the company's loan to Mr. Nguyen Viet Thang (Refer Note V.5)

Remuneration of key management personnel

		<u>Salary</u>	<u>Remuneration of the previous year (*)</u>	<u>Total income</u>
Current year				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the BOD	-	-	-
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the BOD	515,200,000	-	515,200,000
Mr. Le Van Cuong	Member of the BOD/ General Director	515,200,000	-	515,200,000
Mr. Truong Thanh Tung	Member of the BOD/ Deputy General Director	485,892,500	-	485,892,500
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member of the BOD	-	-	-
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	488,403,047	-	488,403,047
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	490,860,724	-	490,860,724
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Supervisory Board	-	-	-
Ms. Ha Thi Linh	Member of the Supervisory Board	-	-	-
Ms. Nguyen Thi Thuy	Member of the Supervisory	-	-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

		Salary	Remuneration of the previous year (*)	Total income
Lan	Board			
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	291,245,727	-	291,245,727
Total		2,786,801,998	-	2,786,801,998
<i>Previous year</i>				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the BOD	-	30,000,000	30,000,000
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the BOD	415,150,000	17,500,000	432,650,000
	Independent Member of the			
Mr. Dao Thanh Son	BOD	-	17,500,000	17,500,000
Mr. Hai Hiuliu	Member of the BOD	-	17,500,000	17,500,000
	Member of the BOD/ General			
Mr. Le Van Cuong	Director	415,150,000	17,500,000	432,650,000
	Member of the BOD/ Deputy			
Mr. Truong Thanh Tung	General Director	385,150,000	17,500,000	402,650,000
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	385,150,000	-	385,150,000
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	365,658,209	-	365,658,209
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Supervisory Board	-	12,500,000	12,500,000
	Member of the Supervisory			
Ms. Pham Thi Thao	Board	-	10,000,000	10,000,000
	Member of the Supervisory			
Ms. Ha Thi Linh	Board	-	6,666,667	6,666,667
	Member of the Supervisory			
Ms. Do Thi Le	Board	-	3,333,333	3,333,333
Total		1,966,258,209	150,000,000	2,116,258,209

(*) The Board of Directors and the Supervisory Board did not receive remuneration in 2023.

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Company include:

Related party	Relationship
Chi Thanh Joint Stock Company	Associate

Transactions and debts with other related parties

The Group had no transactions and no outstanding balances with other related parties.

2. Segment information

The Group's principal business activities are the provision and installation of high-end amusement and recreational equipment, which are carried out within the territory of Vietnam. Therefore, the Group's risks and returns are not significantly affected by differences in the goods/services it provides or by operating in different geographical areas. Accordingly, the Board of General Directors has determined that the Group has only one business segment and one geographical segment. As such, the Group is not required to present segment reports by business line or by geographical area.

3. Subsequent events after the end of the financial year

Except for the event disclosed in Note V.21a, there were no significant events occurring after the end of the financial year that require adjustments to the figures or disclosures in the Consolidated Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the financial year ended December 31, 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (continued)

Prepared by

Chief Accountant

Prepared on March 22, 2025

General Director

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

